

I. Thu nhập khu

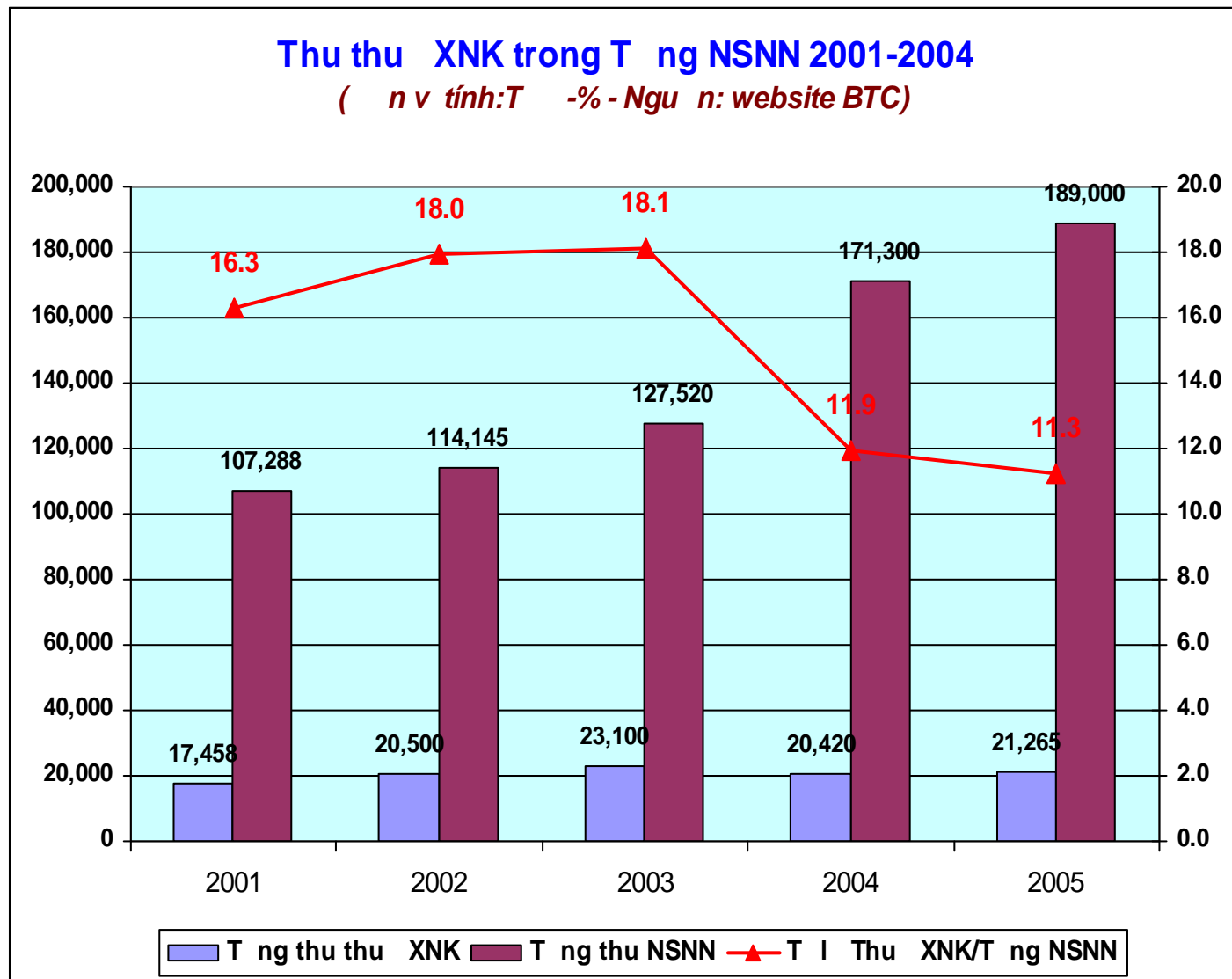
■ Mục đích và tác động của thu

1. Tạo nguồn thu cho NSNN
2. Hướng dẫn tiêu dùng trong nước
3. Là công cụ ưu đãi nhằm quan hệ ngoại
cầm tay qua gia
4. Bổ sung sản xuất nội địa

1. Tổng quan thu cho NSNN

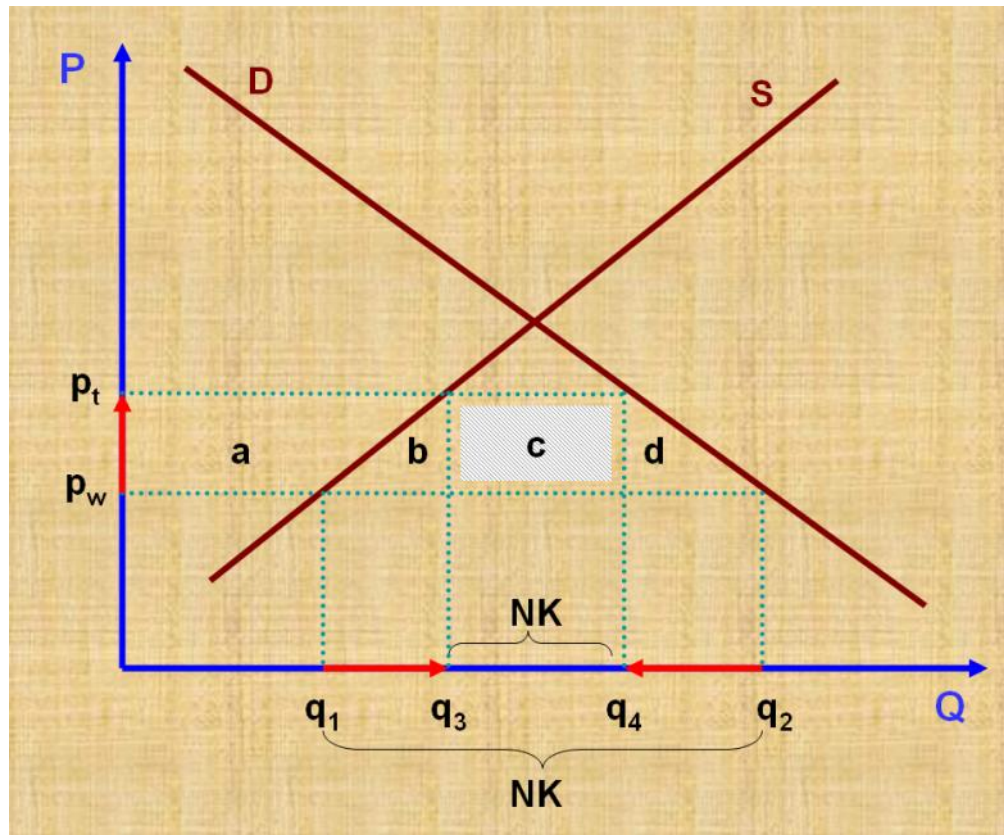
- Ngân sách NN và Thu Ngân sách nhà nước?
(Xem *Lưu ý Ngân sách NN* 2002)
- Biểu hiện đóng góp của Thu vào ngân sách nhà nước trên sơ đồ Thu
- Đường cong Laffer
- Các nguồn thu XNK trong tổng thu Ngân sách

1. Tổng thu cho NSNN



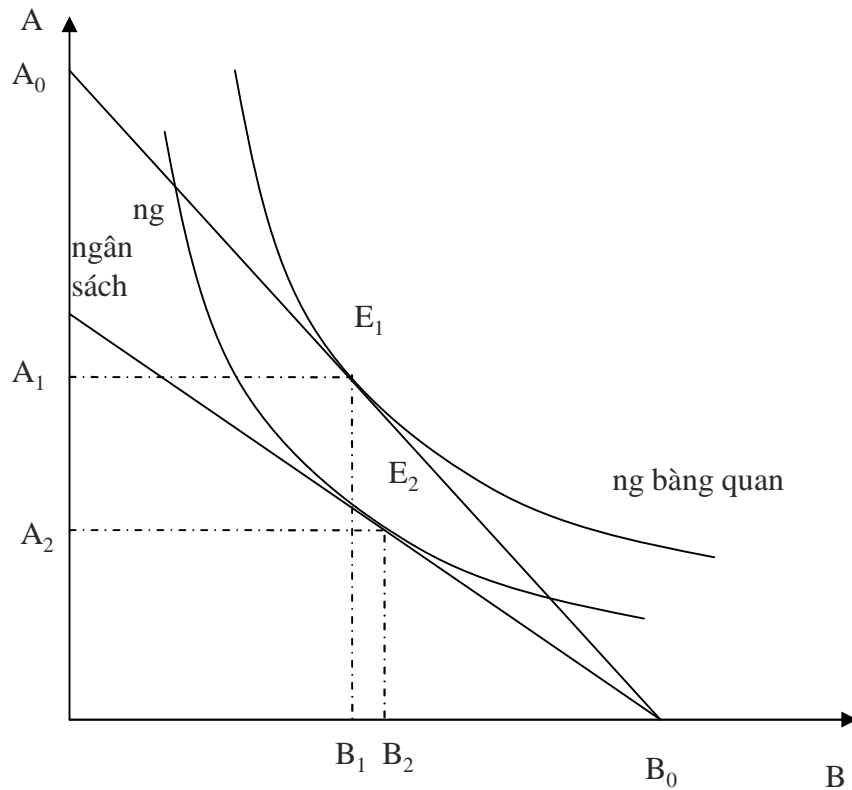
2. Hạng d n tiêu dùng trong n c

- Trên s thu là vi c t ng giá, gi m tiêu dùng



2. Hình ảnh của tiêu dùng trong nền kinh tế

■ Sự thay đổi lý thuyết về hành vi tiêu dùng



3. i u ti t quan h i ngo i

- Góp ph n th c hi n chính sách m t hàng, th tr ng...
- Là công c àm phán: c t gi m thu quan, ràng bu c thu quan, thu quan hóa các bi n pháp phi thu ...

4. B o h SX n i a

- S L i ích và chi phí c a Thu (S Thu)
- T su t b o h danh ngh a
- T su t b o h hi u qu th c

Số lượng và chi phí của Thuế

CS=

-

(a+b+c+d)

PS=+a

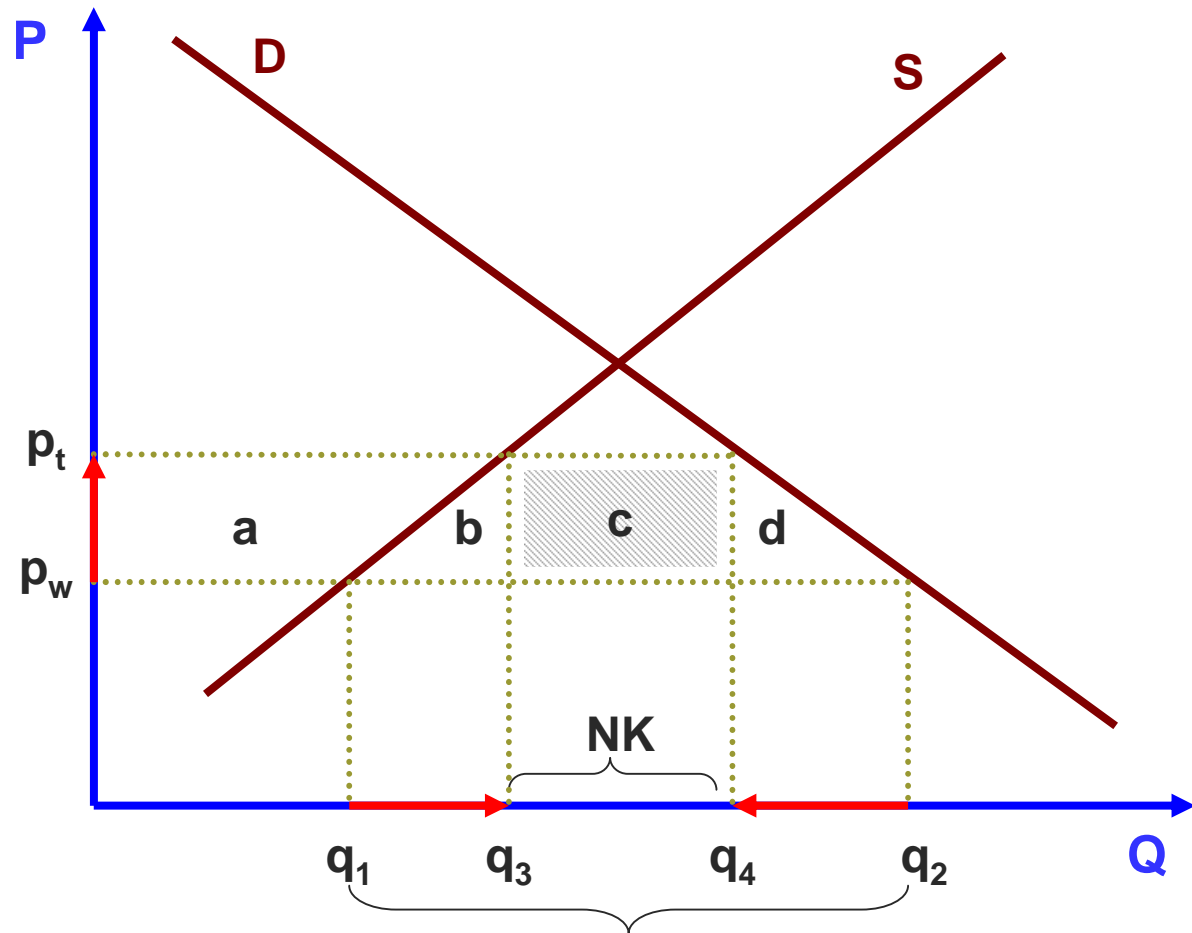
G=+c

-

Deadweight=?

- b?

- d?



Tổ chức danh nghĩa - NPR

- Hai loại tổ chức danh nghĩa:
 - Tổ chức danh nghĩa thụ quan
 - Tổ chức danh nghĩa thực

Tỉ suất bỏ phiếu danh nghĩa thu quan

Công thức:

$$NPR = \frac{P'}{P} - 1$$

Tsu t b o h danh ngh a thu quan

- Thu theo giá:

$$NPR = \frac{P_w(1+t)}{P_w} - 1 = t(\%)$$

- Thu theo l ng?

- Khi có b ng giá tính thu :

$$NPR = \frac{P_w + t.Pg}{P_w} - 1 = \frac{Pg}{P_w}.t$$

Tổng hợp danh nghĩa thực

- Công thức
$$NPR_f = \frac{P'}{P^w} - 1$$
- Chú ý: P' đây là giá bán thực tế

Tsu t b o h h i u q u t h c - EPR

- EPR o l n g m c b o h i v i n h à S X n i a k h i á n h t h u N K l ê n c *u vào và thành ph m.*

- Công th c:

$$EPR = \frac{Vd - V_w}{V_w}$$

$$EPR = \frac{P_w.t_0 - C_w.t_1}{P_w - C_w}$$

EPR của các mặt hàng trong ngành công nghiệp Việt Nam

27	Alcohol (all kinds)	141.18	Extremely highly protected
64	Bicycles and spare parts	108.58	> 100%
39	Brick and tile	105.57	
36	Other food manufactures	101.55	
26	Processed and preserved fruits and vegetables	90.74	Highly protected
81	Leather goods	83.09	>50%
34	Processed seafood and by-products	78.28	
44	Processed wood and wood products	47.35	Protected
40	Cement	44.69	> 0%
62	Home appliances and it spare parts	44.00	
51	Health medicine	-0.12	Negative ERP
60	Health instrument and apparatus	-2.42	< 0%
61	Precise and optics equipment, meter (all kinds)	-2.65	

Nguồn: Le Thanh Ha and Bui Trinh, 2004

Bài tập:

■ Xe Dream II:

- 6/1994: thuế NK CBU là 50% và CKD là 35%. (*Q 280/TTg ngày 20/5/1994*).
- 12/1994, thuế nhập khẩu tăng lên thuế NK là 60% và CKD là 58%. (*Q 1138/BTC ngày 17/11/1994*).

Giá tính thuế nhập khẩu CBU là 1.600USD/c và CKD là 1.450USD/b.

Tính EPR và thuế xe Dream II tại 2 thời điểm trên?

II. Các biện pháp quản lý NK phi thu

1. Khái niệm NTM/NTB
2. Ưu điểm và nhược điểm của NTM
3. Các loại NTM

1. Khái niệm NTM/NTB

- NTM là các biện pháp ngoài thuế quan liên quan hoặc ảnh hưởng đến sản xuất, chuyển hàng hóa giữa các nước
- NTB là các NTM mang tính cấm vận hoặc hạn chế mà không dựa trên cơ sở pháp lý, khoa học hoặc bình đẳng (WTO)

2. u i m và nh c i m

■ u i m

- Phong phú về hình thức
- áp dụng nhiều mục tiêu
- Nhiều NTM chưa biết được các cam kết cụ thể gì, lo ngại

■ Nh c i m

- Không rõ ràng và khó đoán
- Khó khăn, tốn kém trong quản lý nên không thể thu ngân sách
- Gây bất bình đẳng, thậm chí các quy định mâu thuẫn DN
- Làm cho tín hiệu đầu tư kém trung thực

3. Các loại NTM

- Nhóm 1: Các biện pháp hạn chế nhập khẩu (3)
- Nhóm 2: Các biện pháp tăng cường thu quan (4)
- Nhóm 3: Quy định kinh doanh của các DN (2)
- Nhóm 4: Các biện pháp kiểm soát (3)
- Nhóm 5: Các biện pháp liên quan đến TM (3)
- Nhóm 6: Các biện pháp liên quan đến DV (3)
- Nhóm 7: Các biện pháp quản lý hành chính (5)
- Nhóm 8: Các biện pháp bảo vệ TM tiềm ẩn (2)

3.1. Các biện pháp nghệ thuật

- Nghệ thuật nhân hóa các vật sống hay giá trị hàng hóa cụ thể hay nghệ thuật ẩn dụ nào đó.
- 3 biện pháp chính: Cẩn thận, hèn nhút nhát và giết chết.

3.1.1. C m nh p kh u

- Khái ni m: C m nh p kh u là bi n pháp h n ch nh l ng mà theo ó m t lo i hàng hóa c quy nh tuy t i không c phép a vào th tr ng n i a l u thông tiêu dùng.
- M c ích:
 - B o m an ninh qu c gia
 - B o v o c xã h i, thu n phong m t c
 - B o v s c kh e con ng i, ng th c v t
 - m b o cân b ng cán cân thanh toán qu c t
 - Vi t Nam: B o h s n xu t trong n c

3.1.1. C m nh p kh u

- Quan i m c a WTO:
 - Không cho phép s d ng
 - Ngo i l :

3.1.1. C m nh p kh u

- Quy nh c a Vi t Nam
 - Tr c ây hàng c m nh p kh u c chính ph công b hàng n m, có giá tr cho n m ó ho c cho m t s n m. n n m 2001, Quy t nh 46/2000/Q -TTg quy nh Danh m c hàng c m xu t, c m nh p kh u cho c giai o n 2001 – 2005
 - Ngh nh 12/2006/N -CP quy nh chỉ ti t v hàng hóa c m xu t kh u, nh p kh u cho c giai o n dài nh m áp ng v i nhu c u h i nh p kinh t qu c t .

3.1.2. H n ng ch nh p kh u

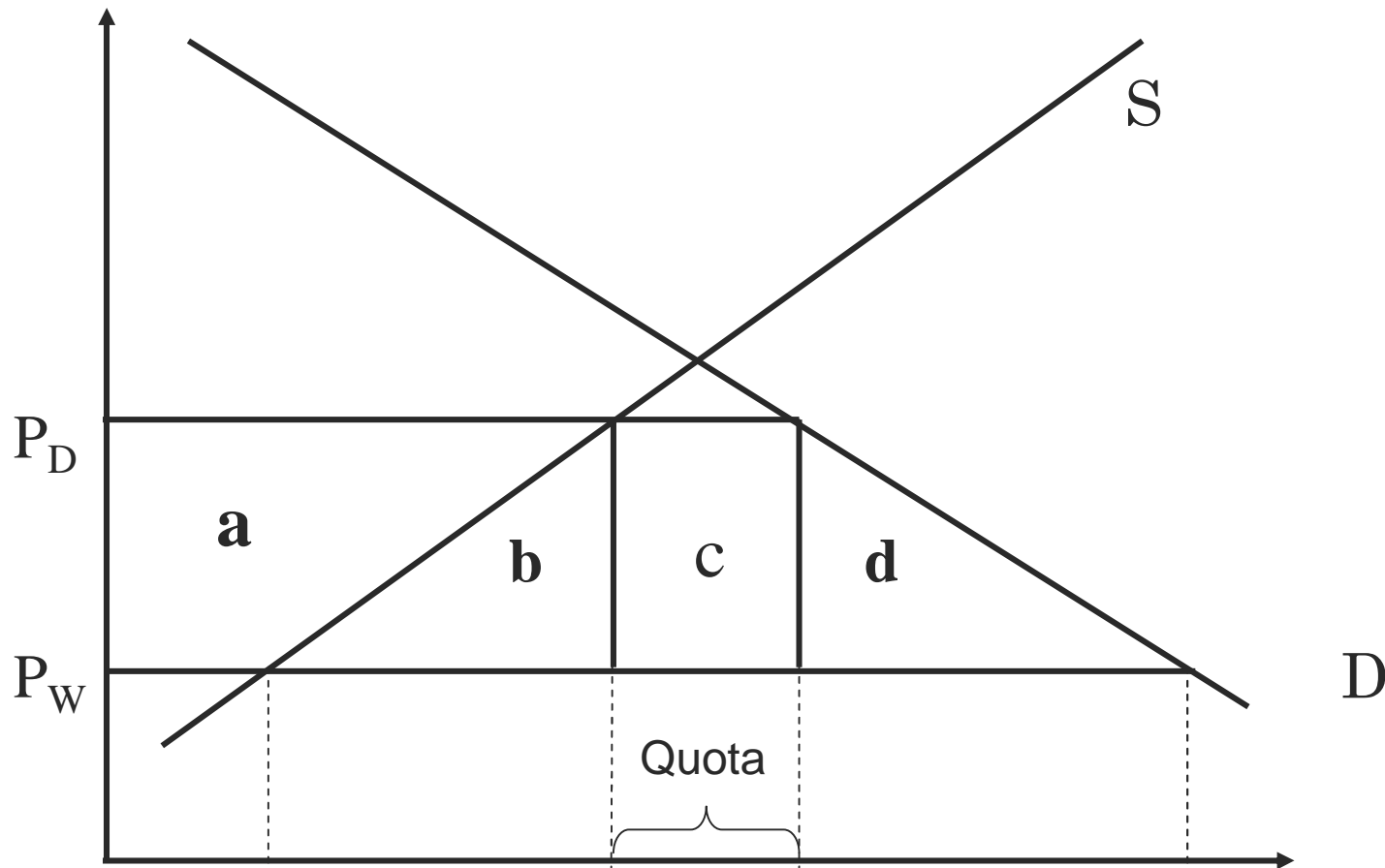
- Khái niệm: H n ng ch nh p kh u là quy nh c a nhà n c v s l ng hay giá tr hàng hóa c nh p kh u t **m t th tr ng** hay **nh p kh u nói chung**, trong m t kho ng th i gian nh t nh, th ng là 1 n m
- Phân lo i:
 - H n ng ch có quy nh th tr ng: ví d hàng hóa nh p kh u t Trung Qu c, M ,...
 - H n ng ch không quy nh th tr ng: Hàng hóa t n c nào c ng ph i ch u h n ng ch

3.1.2. H n ng ch nh p kh u

- M c ích
 - Gi ng ph n C m nh p kh u
 - B o h SX trong n c
 - S d ng có hi u qu qu ngo i t (USD, CNY, JPY, AUD, SGD,...) – Vì sao?
 - Th c hi n các cam k t v i n c ngoài

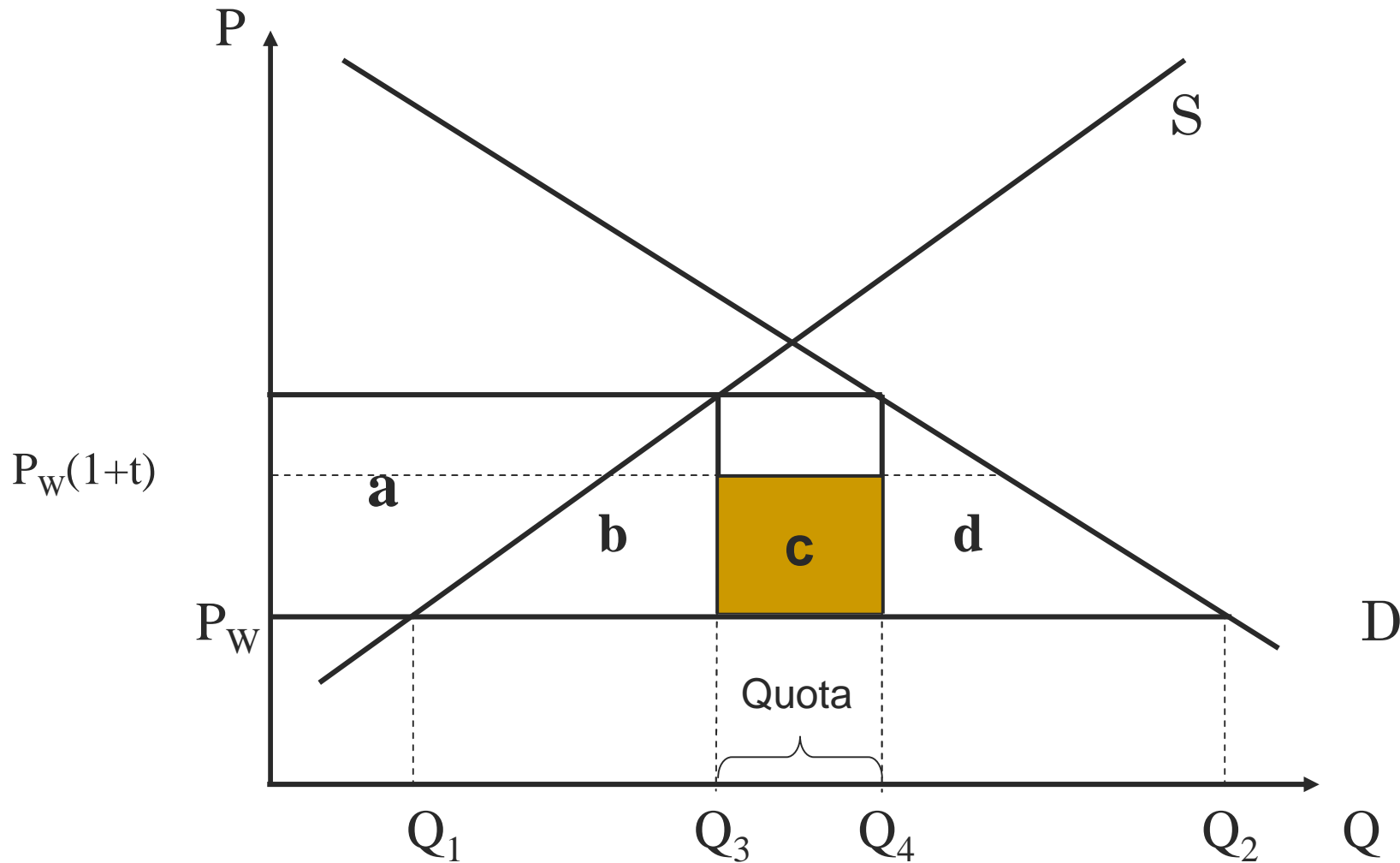
3.1.2. H n ng ch nh p kh u

■ S h n ng ch



3.1.2. H n ng ch nh p kh u

■ S h n ng ch và thu



3.1.2. H n ng ch nh p kh u

- Quan i m c a WTO
 - i u 11 GATT 1994: Các n c không c s d ng
 - Ngo i l :

3.1.2. H n ng ch nh p kh u

- Quy nh c a Vi t Nam:
 - Nh ng n m tr c Vi t Nam s d ng bi n pháp này khá ph bi n
 - Ch còn h n ng ch xu t kh u theo quy nh c a n c ngoài và h n ng ch thu quan

3.1.3. Giấy phép nhập khẩu

- **Khái niệm:** Giấy phép nhập khẩu là một biên pháp quản lý nhập khẩu hàng không quy định số lượng hay giá trị cho phép nhập khẩu phải xuất trình các quan hải quan kiểm tra giấy phép nhập khẩu
- **Phân loại:**
 - **Giấy phép tạm nhập:** là một văn bản cho phép thực hiện ngay lập tức không có điều kiện gì về việc làm xin giấy phép – tạm nhập là sau 10 ngày làm việc
 - **Giấy phép không tạm nhập:** quy định quản lý theo hàng nhập khẩu hay theo các biên pháp khác – trong vòng 30 ngày/60 ngày

3.1.3. Giấy phép nhập khẩu

■ Mục đích

- Quản lý luồng hàng hóa xuất – nhập khẩu và thống kê
- Chứng các hiện tượng gian lận thuế nhập khẩu, buôn lậu
- Góp phần bảo vệ trật tự, SX nội địa
- Thực hiện cam kết với các nước ngoài

3.1.3. Giấy phép nhập khẩu

- **Quan hệ mậu dịch WTO:** Hiệp định ILP:
 - Quy định về các quan chấp hành: Các thẩm phán
 - Không phi nhân đạo nhằm mục đích thuế quan
 - Minh bạch, rõ ràng, không đoán
 - Bảo vệ nhà NK và nhà cung cấp khách m tr không cần thuế do nh ng quy t nh c oán
 - Quy định về các n c thành viên: Công bố
 - T cách cá nhân công ty t ch c làm n
 - C quan qu n lý ch u trách nhi m c p
 - Các s n ph m c n có gi y phép

3.1.3. Giấy phép nhập khẩu

■ Quan hệ miễn thuế WTO (tiếp)

○ Các quy định thêm:

- Nguyên tắc xin cấp và thời hạn càng ngắn thì nguyên tắc càng tốt
- Nguyên tắc xin cấp không bị chi phối bởi lợi ích cá nhân mà không làm thay đổi nội dung DL cấp
- Phạt áp dụng vì lỗi trên không nên quá khắt khe mà chỉ nên cảnh báo
- Hàng NK đã cấp phép không bị chi phối bởi giá trị, số lượng so với giấy phép nhập khẩu phù hợp với quản lý do phát sinh quá trình vận chuyển, xếp hàng rời

3.1.3. Giấy phép nhập khẩu

- Quy định của Việt Nam:
 - Quy định 46/2001/Q -TTg trong đó có quy định về các mặt hàng xuất nhập khẩu quản lý bằng giấy phép
 - Quy định 41/2005/Q -TTg Quy chế về cấp phép nhập khẩu hàng hóa. Quy chế này phù hợp với hiệp định ILP
 - Nghị định 12/2006/N -CP có danh mục hàng hóa XNK chịu quản lý của Bộ Thương mại và Bộ chuyên ngành

3.2. Các biện pháp tác động thu quan

- Là các biện pháp làm tác động giá hàng nh p kh u theo cách tác động thu quan
- 4 biện pháp:
 - Xác nh tr giá h i quan
 - nh giá
 - Bi n phí
 - Ph thu

3.2.1. Xác định giá trị liên quan

- **Khái niệm:** *Giá trị liên quan là giá cả hàng hóa XNK xác định theo mức ích quan lý, là mức trong những mức cần tính thuế liên quan và các thuế khác.*
- **Mức ích:** *Bộ môn giá trị hàng hóa như phẩm chất xác định một cách khách quan, công bằng, phát huy tác dụng tích cực tới các ràng buộc thuế*

3.2.1. Xác định giá trị liên quan

■ Quan điểm của WTO

6 phương pháp xác định giá trị liên quan:

- Giá giao dịch
- Giá giao dịch của hàng giống hệt
- Giá giao dịch của hàng tương tự
- Giá khu vực / Suy diễn
- Giá tính toán
- Phương pháp phòng ngừa

3.2.1. Xác định giá trị liên quan

■ Quy định của Việt Nam:

- Thông tư 113/2005/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật Thuế XNK 2005
- Nghị định 40/2007/NĐ-CP ngày 16/03/2007 quy định về việc xác định giá trị liên quan đối với hàng xuất khẩu, nhập khẩu

3.2.2-4 nh giá, Bi n phí, Ph thu

- nh giá: Giá tr n và Giá sà n
- Bi n phí: Giá n i a – Giá nh p kh u
- Ph thu:
 - Khái ni m: Là các kho n thu thêm ngoài thu
 - M c ích: B o h - Thu Ngân sách – Bình n giá
 - Quan i m WTO: Ch c gi i h n m c t ng ng chi phí d ch v b ra và ko c b o h hay Thu ngân sách.
 - Quy nh Vi t Nam: Tr c ây: s t thép, phân bón, nh a... nh ng t 2000 ã bãi b

3.3. Quy n kinh doanh c a các DN

3.3.1. Doanh nghi p TM nhà n c:

○ Khái ni m:

- Là các doanh nghi p c ban hành các c quy n th ng m i dù cho chúng thu c s h u nhà n c hay s h u t nhân.
- Là các doanh nghi p chính ph hay phi chính ph có m t s c quy n, c l i nh t nh theo quy nh c a lu t pháp trong n c trong vi c mua bán, trao i hàng hóa liên quan t i xu t nh p kh u.

3.3.1. Doanh nghiệp TM nhà nước

■ Mục đích:

- Thực hiện hành các hoạt động XNK
- Phân phối mặt hàng NK quan trọng (xăng dầu, xi măng, giấy, phân bón, rau)
- Kiểm soát SX, ch/biến và ph/phái SP nội địa

■ Quan hệ WTO: Thỏa thuận về GATT 1994 quy định nghĩa vụ của DNTMNN

- **Kinh doanh chính thức vào tính toán TM**
- **Minh bạch:** CP cung cấp thông tin cho Hội đồng TM hàng hóa WTO thông tin về Dsách DNTMNN, SPKD và thông tin làm cơ sở đánh giá phđng thđc kinh doanh

3.3.2. Quy n kinh doanh NK

- **Khái ni m:** là quy n dành cho m t s doanh nghi p nh t nh c ti n hành ho t ng nh p kh u i v i m t/m t s /t t c m t hàng trên m t th tr ng nh t nh trong m t th i gian nh t nh ho c m t s l nh v c nh t nh.
- **M c ích:** H n ch XNK, ho c bình n giá và kh i l ng

3.3.2. Quy n kinh doanh NK

- **Quan i m c a WTO:** Trái v i nguyên t c c a WTO v tính công khai, minh b ch và bình ng
- **Quy nh c a Vi t Nam:**
 - Ngh nh 33/CP 19-04-94: Thành l p úng PL, cam k t tuân th PL, ho t ng chuyên doanh XNK theo úng ngành ng ký, có v n l u ng 200.000\$ và i ng cán b am hi u KD XNK (nhân s)
 - Ngh nh 57/1998/N -CP: b v n và nhân s
 - Ngh nh 12/2006/N -CP: b ngành ngh

3.4. Các biện pháp kỹ thuật

- Rào cản kỹ thuật trong thương mại
(*Technical Barrier to Trade - TBT*)
- Các biện pháp kiểm dịch sinh thực vật
(*Sanitary and Phytosanitary Measures – SPS*)

3.4.1. Rào cản kỹ thuật trong thương mại

- Rào cản kỹ thuật trong thương mại là một biện pháp phi thuế quan hình thành do có sự khác biệt về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hay quy trình đánh giá sự phù hợp giữa các quốc gia với các yêu cầu trong quy trình thương mại và gây cản trở tới thương mại mà không dựa trên cơ sở pháp lý, khoa học hoặc bình thường

3.4.1. Rào cản kỹ thuật trong thương mại

- **Bản pháp** kỹ thuật trong thương mại là một *bản pháp phi thương quan* được xây dựng dựa trên các quy định *chính sách quốc gia và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật* hay quy trình đánh giá sản phẩm và các *ít* trong quy trình thương mại và có liên quan hoặc *những nguyên tắc* thương mại.

3.4.1. Rào cản kỹ thuật trong thương mại

■ Hiếp nh TBT i u ch nh:

- Quy chu n k thu t (Technical Regulations): các tiêu chu n mà vi c tuân th là b t bu c
- Tiêu chu n k thu t (Technical Standards): các tiêu chu n không b t bu c tuân th
- Th t c/Quy trình ánh giá s phù h p: b t k m t th t c nào c áp d ng gián ti p xác nh r ng các yêu c u liên quan trong các quy nh k thu t hay tiêu chu n c th c hi n hay không

L u ý: Trong nhi u tr ng h p t tiêu chu n k thu t bao hàm c quy chu n k thu t

3.4.1. Rào cản kỹ thuật trong thương mại

Một số nhóm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phổ biến:

- Chuẩn, thông số vận hành, hoạt động của máy móc, thiết bị, công nghệ, phương tiện vận tải...
- Quy định nhãn mác, bao bì đóng gói.
- Tiêu chuẩn quy trình chế biến, thẩm mỹ, kích cỡ hàng hoá
- Tiêu chuẩn hàm lượng chất trong sản phẩm
- Tiêu chuẩn chất lượng hàng hoá
- Tiêu chuẩn bảo vệ môi trường sinh thái
- Tiêu chuẩn về quyền lao động
- Tiêu chuẩn khác:

3.4.1. Rào cản k thu t trong th ng m i

- M c ích c a tiêu chu n và quy chu n k thu t:
 - T o thu n l i cho th ng m i
 - Ng i tiêu dùng: D dàng l a ch n SP phù h p
 - Ng i s n xu t: SX quy mô l n, bán thành ph m...
gi m giá thành và t ng c ng hi u qu SX
 - Ng i bán: d hi u khi àm phán, gi m b t tranh
ch p v quy cách và ch t l ng hàng hóa
 - Nh ng yêu c u an ninh qu c gia
 - t ra tiêu chu n b o v s c kh e và an toàn c a
dân chúng & môi tr ng
 - Ng n ch n các hành vi không trung th c
 - B o h s n xu t

3.4.1. Rào cản kỹ thuật trong thương mại

- **Quan hệ mậu dịch WTO:** Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phải đáp ứng sao cho:
 - Không phân biệt đối xử giữa các SPNK theo xu hướng (MFN)
 - Không dành cho các SP NK kém ưu đãi hơn các SP SX trong nước (NT)
 - Dựa trên thông tin kỹ thuật và khoa học
 - Không cản trở quy định hay áp dụng theo cách thức mà gây ra “những trở ngại không cần thiết đối với TMQT”

3.4.1. Rào cản kỹ thuật trong thương mại

- **Quan hệ miễn trừ WTO:** “Quy tắc thúc hành ứng trong việc xây dựng, thông qua và áp dụng các tiêu chuẩn” yêu cầu các nước:
 - Sản xuất tiêu chuẩn quốc tế làm nền tảng cho tiêu chuẩn quốc gia
 - Tham gia ý trong phạm vi nguên tắc của mình vào việc chuẩn bị các tiêu chuẩn quốc tế cho các SP mà họ đã nh sản xuất tiêu chuẩn quốc gia

3.4.1. Rào cản kỹ thuật trong thương mại

- Quy định của Việt Nam:
 - 1990: Pháp lệnh về tiêu chuẩn hàng hóa
 - Nghị định 179/2006/NĐ-CP quy định Hệ thống tiêu chuẩn chung và sản phẩm, hàng hóa của Việt Nam bao gồm: TCVN, Tiêu chuẩn ngành và tiêu chuẩn cơ sở.
 - Hệ thống TCVN áp dụng và hiện có kho 5.600 tiêu chuẩn quốc gia tuy nhiên hiện có kho 150 tiêu chuẩn bắt buộc phải áp dụng

3.4.1. Rào cản kỹ thuật trong thương mại

- Quy định của Việt Nam:

- Nhu cầu tiêu chuẩn Việt Nam là chủ sở hữu thị trường (mức 35% hài hòa với quốc tế và khu vực)
- Thông thường 5-6 năm các tiêu chuẩn được rà soát lại một lần và sửa đổi, nhưng VN có nhu cầu tiêu chuẩn tăng trên 20 năm

3.4.2. Các biện pháp kỹ thuật chăn nuôi gia súc và gia cầm

- **Khái niệm:** SPS là các biện pháp chăm sóc và quản lý gia súc và gia cầm trong quá trình nuôi dưỡng và sinh sản.
- Các vấn đề về sức khỏe gia súc và gia cầm thường gặp do các nguyên nhân sau:
 - Các bệnh do ký sinh trùng gây ra do vệ sinh chuồng trại không đảm bảo.
 - Các bệnh do vi khuẩn, virus gây ra do tiếp xúc với môi trường ô nhiễm.
 - Các bệnh do nấm gây ra do ẩm độ cao trong chuồng trại.
 - Các bệnh do côn trùng gây ra do thiếu biện pháp phòng ngừa.
- Các biện pháp phòng ngừa bệnh tật cho gia súc và gia cầm bao gồm:
 - Vệ sinh chuồng trại sạch sẽ.
 - Tiêm phòng vắc-xin định kỳ.
 - Sử dụng thuốc thú y đúng liều lượng.
 - Cách ly gia súc và gia cầm bị bệnh.
- Các biện pháp chăm sóc và quản lý gia súc và gia cầm khác bao gồm:
 - Chọn giống vật nuôi tốt.
 - Nuôi dưỡng gia súc và gia cầm đúng cách.
 - Quản lý gia súc và gia cầm theo dõi sức khỏe.

3.4.2. Các biến pháp kiểm định thống kê về t SPS

■ **Thống kê là các quy định về :**

- *Kiểm định;*
- *Quy trình công nghệ chế biến;*
- *Chỉ tiêu kiểm định sinh công nghiệp;*
- *Hàm lượng các chất có trong sản phẩm, v.v....*

3.4.2. Các biện pháp kiểm soát nguy cơ vật SPS

■ Mục đích: Bảo vệ

- Sản xuất của con người khi các rủi ro gây ra bởi các chất phụ gia, chất và các bệnh do nguy cơ vật gây ra
- Sản xuất của động vật khi rủi ro gây ra bởi các chất phụ gia, chất, sâu bệnh, và các mối quan hệ tiềm ẩn gây bệnh
- Sản xuất của các loài thực vật khi các rủi ro gây ra bởi thú nuôi, các loài bệnh tật, các tác nhân khác gây bệnh
- Bảo vệ lãnh thổ khi các rủi ro gây ra bởi vi khuẩn xâm nhập, xuất hiện và lan truyền của sâu bệnh

3.4.2. Các biện pháp kỹ thuật trong thực tiễn SPS

- **Quy định của WTO:** Hiệp định SPS yêu cầu các thành viên phải
 - Hướng dẫn xây dựng các biện pháp SPS căn cứ vào tiêu chuẩn chđn và khuyến nghị quc t
 - Tham gia y vào các hoạt đng của các tổ chức quc t v SPS nh m thúc y hài hòa SPS trên bình di n quc t
 - Tổ chức i cho bên liên quan các n c thành viên khác góp ý cho đ th o các tiêu chuẩn n u các tiêu chuẩn ó không có c s là các tiêu chuẩn quc t , ho c i tr ch kh i các tiêu chuẩn quc t ho c không có tiêu chuẩn quc t liên quan
 - Chấp nh n các biện pháp SPS của n c XK n u t cùng m c b o v SPS và tham gia khi có th vào các th a thu n th a nh n l n nhau v tính t đng đng c a các biện pháp SPS

3.4.2. Các biện pháp kiểm soát đang thực hiện SPS

■ Một số ví dụ :

EU xuất khẩu quy định mức tối đa cho aflatoxins có trong lạc nghiêm ngặt hơn. Một số nhà sản xuất ra rơ ngửi u này không dựa trên cơ sở khoa học và không làm giảm đáng kể rủi ro về virus ckhể con người, mà dựa vào vị hàng xuất khẩu của họ. EU đã ngăn ý sản xuất.

3.4.2. Các biện pháp kiểm soát nguy cơ về SPS

■ Một số ví dụ :

EU cấm NK cá t Tanzania và cho r ng bi n pháp này là c n thi t tr c nguy c lan truy n b nh d ch t t các s n ph m có ch a n c. Tuy nhiên sau ó EU ng ý d b l nh c m này sau khi tham v n v i các bên và nh n c s m b o an toàn th a áng.

3.4.2. Các biện pháp kiểm soát dịch bệnh thực vật SPS

■ Quy định của Việt Nam:

- Pháp lệnh thứ 3/1993 và Nghị định 93/NĐ-CP hướng dẫn thi hành
- 27/11/1993 Quy chế kiểm soát dịch bệnh thực vật
- Quyết định 28/TTg 13/01/1997 và thông tư 02/NN-NK/TT 03/03/1997 ban hành khác biệt các biện pháp kiểm soát dịch bệnh thực vật
- Quyết định 45/2005/QĐ-BNN và Danh mục kiểm soát kiểm soát dịch bệnh thực vật
- Quyết định 73/2005/QĐ-BNN và danh mục kiểm soát kiểm soát dịch bệnh thực vật

VD: S khác nhau giữa TBT và SPS

- Quy định thu c sâu
- Quy định nhĩn hàng
- Quy định các lo i bao bì v n chuy n ng c c

VD: Phân biệt TBT và SPS

- Nga đã đưa ra những yêu cầu mà liên quan tới các loại trái cây và rau đóng bao, xuất khẩu của Trung Quốc. Theo đó, **tên gọi, xuất xứ, khối lượng và các thông tin khác** về những sản phẩm xuất khẩu nói trên phải có ký hiệu rõ ràng song ngữ Nga-Trung, không dùng những loại **nhãn đã già hoặc nhãn mới, giấy báo hay các nhãn sản phẩm khác** cùng những **các loại giấy chứng nhận** gói trong. Nếu đóng thùng bằng gỗ thì gỗ không có mối mọt. Số Nga đưa ra những yêu cầu này là vì các loại rau và trái cây đóng bao, nhập khẩu từ Trung Quốc không có ý các ký hiệu và mã số không có bất cứ chi tiết hay thông tin nào về sản phẩm liên quan.

3.5. Các biện pháp T liên quan TM

- Yêu cầu viết lên idea hóa
- Yêu cầu viết xu hướng bắt đầu
- Yêu cầu phân tích và phát triển nguồn nguyên liệu trong nội dung (số, ngày, giờ, ...)

3.6. Các biện pháp liên quan DV

- Dịch vụ phân phối
- Dịch vụ tài chính ngân hàng
 - *Hạn chế trong giao dịch thanh toán: L/C; L/G*
 - *Hạn chế sử dụng ngoại tệ: Tỷ cân đối ngoại tệ*
 - *Không thể nhập ngoại tệ*
 - *Quy định vay ngoại tệ*
- DV khác: giám định hàng hóa, vận tải...

3.7. Các biện pháp quản lý hành chính

- Tổ chức nhân sự
- Hàng đợi hàng
- Thủ tục hành chính
- Mua sắm chính phủ
- Quy tắc xử lý

3.8. Các biện pháp bảo vệ thông tin mật mã

- Thu chi ngân sách pháp giá
- Thu chi ngân trư c p
- Thu chi ngân phân bi t i x

III. nh h ng s d ng các công c qu n lý NK

1. u và nh c i m c a thu quan

- u i m
- Nh c i m

2. nh h ng chung

- S d ng b sung c 2 công c
- Xu h ng chung c a thu NK là m c thu ph i gi m đ n, vì c ánh thu ph i rõ ràng, minh b ch
- Xu h ng chung các bi n pháp phi thu là chuy n t các bi n pháp nh l ng tr c ti p sang các bi n pháp tinh vi
- Vì c nâng cao kh n ng b o h và s c c nh tranh là ngh thu t v n d ng 2 công c này